

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2018

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Nông nghiệp
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Cải thiện sản lượng thông qua sự hài hòa, công nghệ và tiêu chuẩn quốc tế

Các vấn đề sau được quan tâm bởi Nhóm Công tác Nông nghiệp thuộc Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam:

1. Công nghệ Thông tin và các Giải pháp Nông trại Công nghệ cao
2. Kháng thuốc kháng vi sinh
3. Đăng ký sản phẩm và công dụng
4. Nhận diện vật nuôi và ghi chép số liệu
5. Các loại hóc môn bị cấm
6. Thanh kiểm tra các sản phẩm sữa được xử lý nhiệt,
7. Bổ sung I-ốt cho muối dùng cho ăn trực tiếp hàng ngày và chế biến thực phẩm
8. Cách tiếp cận khoa học dành cho các quy định về việc quản lý và đăng ký các Sản phẩm Thuốc Bảo vệ Thực vật
9. Tầm quan trọng của một khung pháp lý rõ ràng, có thể dự đoán được cho việc phê duyệt và cho phép Thực phẩm Biến đổi gen cũng như Thức ăn chăn nuôi Biến đổi gen và Công nhận Lai tạo Biến đổi gen.

1. Công nghệ Thông tin và các Giải pháp Nông trại Công nghệ cao

Hiện nay, bản chất và đặc thù ngành Nông nghiệp đã thay đổi, cả ở trong và ngoài nước. Quy mô các công ty, cùng với kiến thức của nông dân trong việc sử dụng công nghệ và về thị trường, đã biến nông nghiệp từ một hoạt động gia đình thành một lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp. Bản chất của người nông dân Việt Nam cũng đã thay đổi, họ không còn là những nông dân nghèo, ít học nữa; nông dân ngày hôm nay là chủ doanh nghiệp với số vốn đầu tư lớn và nắm rõ về công nghệ cũng như thị trường nước ngoài – người “Nông dân Thông minh” ngày nay không chỉ nắm rõ môi trường của họ, mà còn có thể áp dụng công nghệ để thay đổi. Nông dân ngày nay thường là các doanh nghiệp FDI kinh doanh gạo, cà phê, ngũ cốc, thức ăn chăn nuôi và gia súc tại thị trường quốc tế đồng thời làm việc thường xuyên với nông dân địa phương. Chúng tôi tin rằng việc áp dụng Công nghệ thông tin và các giải pháp Công nghệ cao vào nông nghiệp là hữu ích, hiệu quả và hợp lý. Hiện nay việc tăng cường khả năng nhận thức của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc ngày càng phổ biến, các doanh nghiệp nông nghiệp phải có các hệ thống và quy trình xử lý tin cậy, hiệu quả và an toàn. Ngoài ra, để có thể hoạt động trong thị trường quốc tế, các nông dân thời hiện đại cần phải đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế về quy trình trồng và giống, sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các chất khác, thu hoạch, đóng gói, lưu trữ, vận chuyển và chuỗi cung ứng. Điều này không thể thành công nếu thiếu các hệ thống công nghệ cao phức tạp và quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả.

Nông nghiệp bền vững phải song hành cùng an toàn thực phẩm, môi trường bền vững và các cơ hội kinh tế. Để có thể đạt được những mục tiêu này, cần có sự thay đổi trong ngành nông nghiệp bằng

sự nỗ lực và đoàn kết của các bên liên quan, bao gồm nông dân, chính phủ, xã hội và các doanh nghiệp tư nhân. Các yếu tố thành công chủ chốt trong sự thay đổi của ngành nông nghiệp trên toàn quốc bao gồm: việc định hướng một cách đúng đắn thông qua lãnh đạo hiệu quả, các mô hình chiến lược và đầu tư cũng như việc thay đổi các cấu phần như: tài chính, cơ sở vật chất, thể chế và giám sát. Cuộc khủng hoảng về giá thịt lợn trong năm 2017 và đầu năm 2018 tại Việt Nam là một ví dụ điển hình về việc quản lý thị trường không có kế hoạch và không hiệu quả, cùng với việc bùng nổ thiếu kiểm soát các nhà sản xuất cám chăn nuôi chất lượng thấp, và thiếu sự kiểm soát về giá. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết về cải thiện quản lý cung cầu, quan tâm hơn đến thị trường trong & ngoài nước, và cần sự can thiệp của chính phủ để bình ổn giá.

Cách mạng Công nghiệp 4.0 là kỹ nguyên hội tụ của trí thông minh nhân tạo và công nghệ dữ liệu như một giải pháp mới cho các vấn đề về xã hội và công nghiệp trên khắp thế giới, bằng cách tích hợp các lĩnh vực ảo và thực. Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ mang đến các thay đổi sâu sắc cho ngành nông nghiệp vốn là ngành thâm dụng lao động. Kết hợp trí thông minh nhân tạo và dữ liệu lớn (big data) sẽ giúp ngành nông nghiệp trở thành một ngành công nghệ cao có thể tự vận hành. Ví dụ, việc sử dụng các máy bay không người lái điều khiển từ xa chứa camera và thiết bị định vị GPS được quản lý bởi các hệ thống điều khiển hiện đại sẽ giúp các Nông dân Thông minh đưa ra các quyết định đúng đắn về quản lý trồng trọt, chăn nuôi như cho ăn hay tưới tiêu. Những công nghệ này cho phép nông nghiệp hóa một cách chính xác: như theo dõi sản lượng, phân tích sâu bệnh, đo độ ẩm của đất, đưa ra các quyết định về thời gian thu hoạch, và theo dõi sức khỏe cây trồng. Cụ thể hơn, Internet Vạn vật (IoT) sẽ đo độ ẩm, nhiệt độ và thời lượng nắng tại các trại, có thể kiểm soát từ xa thông qua các thiết bị cầm tay. Điều này không chỉ tăng sản lượng của trang trại, và còn gia tăng thêm giá trị sản phẩm. Bằng cách áp dụng các công nghệ 4.0, dữ liệu tổng hợp (bao gồm sản lượng nông nghiệp, thông tin về khí hậu, cấu trúc dân số và dữ liệu người tiêu dùng) có thể được phân tích một cách thấu đáo. Bằng cách này, chúng ta có thể sản xuất ra các sản phẩm được thiết kế để tối ưu hóa cung cầu. Tương tự, chính phủ có thể điều chỉnh đầu ra để ổn định giá cả.

Như những gì Cách mạng công nghiệp đầu tiên, thứ hai và thứ 3 đã đạt được, việc một công nghệ mới được sinh ra thông qua cuộc cách mạng luôn đồng nghĩa với việc một công nghệ cũ sẽ lui tàn. Việc phá vỡ trật tự vốn có sẽ tạo ra một khoảng trống cho các cơ hội mới được sinh ra. Công nghệ 4.0 trong canh tác sẽ là một cơ hội tuyệt vời để tăng tính cạnh tranh trong nông nghiệp, và là một cơ hội để xử lý các điểm yếu cố hữu trong hệ thống nông nghiệp hiện tại và giới hạn của nông nghiệp thâm canh.

Chúng ta đang ở thời điểm khởi đầu của một thời đại nông nghiệp mới. Một thời đại mà Nông dân Thông minh lần đầu tiên có thể kiểm soát được môi trường, sản phẩm và thị trường của họ, với việc áp dụng các công nghệ và hệ thống cung cấp dữ liệu, thông tin và kiến thức giúp nông dân có thể đưa ra các quyết định thông minh về chủng loại cây trồng cũng như thời điểm thu hoạch và xuất ra thị trường.

Chúng tôi cần sự hỗ trợ của chính phủ trong việc thay đổi ngành nông nghiệp, thông qua việc lãnh đạo hiệu quả và khung pháp lý đúng đắn để thúc đẩy Việt Nam trở thành điểm sáng về ngành nông nghiệp, dựa trên Nông nghiệp – Nông dân thông minh.

2. Kháng thuốc Kháng vi sinh

Dựa trên các đánh giá khoa học, Kháng thuốc Kháng vi sinh sẽ gây ra hàng triệu cái chết mỗi năm trên toàn cầu, đặc biệt tại các nước Châu Á¹. Các biện pháp ngăn chặn bao gồm việc chỉ sử dụng kháng sinh khi cần thiết, qua đó giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh hoặc kháng vi sinh sai mục đích². Các chất kháng sinh phổ hẹp cần phải được sử dụng thay vì các loại phổ rộng nếu có thể, vì việc tập trung nhắm vào các sinh vật cụ thể sẽ thường ít gây kháng thuốc hơn³. Với những người uống thuốc tại nhà, việc hướng dẫn cách sử dụng đúng cách là cần thiết. Bệnh viện có thể giảm thiểu sự kháng thuốc bằng cách vệ sinh và tiệt trùng, bao gồm việc rửa tay và khử trùng giữa các lần khám, và khuyến khích điều tương tự đối với các bệnh nhân, người nhà và người đến thăm. Kháng thuốc đang ngày càng phổ biến trên thế giới, mà nguyên nhân là việc tiếp cận thuốc kháng sinh ngày càng phổ biến và dễ hơn tại các nước đang phát triển như Việt Nam⁴. Đã có những lời kêu gọi cộng đồng về các hành động toàn cầu nhằm xử lý mối nguy này, bao gồm các đề xuất về các hiệp ước thống nhất quốc tế về kháng thuốc kháng vi sinh⁵. Việc kháng thuốc trên toàn thế giới chưa được thống kê hoàn toàn, nhưng các nước nghèo với hệ thống chăm sóc sức khỏe yếu như Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nhiều hơn.

Để tuyên truyền về an toàn thực phẩm, Chính phủ nên làm việc với các doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước để giảm thiểu tình trạng Kháng thuốc, khuyến khích nghiên cứu các giải pháp chữa trị khác ngoài kháng sinh, tăng cường nhận thức và giáo dục nông dân về các mối nguy về việc lạm dụng thuốc kháng sinh. Các thực tiễn chăn nuôi hiệu quả cần phải được áp dụng để giảm thiểu nhu cầu sử dụng kháng sinh ở trang trại thông qua các chương trình nông nghiệp và các hoạt động liên quan.

Trong thời gian gần đây đã có tăng trưởng về việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp nhưng ngành nông nghiệp vẫn dễ bị tổn hại bởi biến đổi khí hậu và biến động của người mua. Chúng tôi đề xuất với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tập trung tái cấu trúc và phát triển ngành nông nghiệp, đồng thời tập trung khuyến khích mìn sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

3. Đăng ký sản phẩm

Cần phải áp dụng đánh giá rủi ro khi đăng ký sản phẩm & việc sử dụng chúng, và cần có sự hợp tác giữa Chính phủ, ngành bảo vệ thực vật và các bên liên quan để chung tay tuyên truyền về sử dụng sản phẩm và thực tiễn một cách an toàn. Việc áp dụng Thông tư 21 liên quan đến các tiêu chí GHS và PHI cần phải được bãi bỏ, và cần các nỗ lực để theo dõi thị trường trong nước dưới góc độ an toàn cho người tiêu dùng.

4. Hệ thống nhận diện và quản lý vật nuôi

Cần phải đầu tư và thiết lập một hệ thống nhận diện và quản lý vật nuôi với các thành phần có thể truy xuất được nguồn gốc, bắt đầu bằng các sản phẩm mà Việt Nam có thể cạnh tranh và có tiềm

¹ Kháng kháng sinh: Giải quyết một cuộc khủng hoảng về sức khỏe và sự giàu có của các quốc gia (2014), Đánh giá kháng kháng sinh do Jim O'Neill chủ biên.

² https://en.wikipedia.org/wiki/Antimicrobial_resistance#cite_note-About_Antimicrobial_Resistance-7
https://en.wikipedia.org/wiki/Antimicrobial_resistance#cite_note-Swedish-8

³ https://en.wikipedia.org/wiki/Antimicrobial_resistance#cite_note-NPS2013-9

⁴ https://en.wikipedia.org/wiki/Antimicrobial_resistance#cite_note-Hoffman-18

⁵ https://en.wikipedia.org/wiki/Antimicrobial_resistance#cite_note-Hoffman-18

năng xuất khẩu. Chính phủ cần nhân rộng thí điểm tại TP Hồ Chí Minh ra cả nước để quảng bá tên tuổi các sản phẩm Việt Nam cũng như an toàn thực phẩm và xuất khẩu; dự thảo các quy định để ngăn ngừa việc bán ra các sản phẩm đang được kiểm nghiệm; học tập từ các thực tiễn tốt nhất trên thế giới; và cải thiện vệ sinh an toàn thực phẩm thông qua việc làm việc với các nhà sản xuất và yêu cầu họ cam kết cung cấp thực phẩm an toàn.

5. Các hóa chất bị cấm

Chính Phủ cần áp dụng các luật hiện hành về việc sử dụng các hóa chất bị cấm, giúp cho việc tiếp cận các sản phẩm sử dụng trong chăn nuôi được nhập khẩu từ các nước thuộc Hiệp định Thương mại Tự do, giúp tăng cường nhận thức về việc sử dụng các chất kháng sinh bị cấm, đặc biệt là thuốc tăng trọng.

6. Kiểm dịch không cần thiết và kéo dài đối với các sản phẩm sữa đã qua xử lý nhiệt theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT và Thông tư 24/2017/TT-BNNPTNT

Các thông tư này yêu cầu việc kiểm dịch tất cả các sản phẩm có chứa sữa, không quan tâm đến việc sữa này có qua xử lý hay không (ví dụ, một cái bánh quy chứa một vài giọt sữa cũng cần phải được kiểm dịch). Điều này xung đột với các thông lệ quốc tế: OIE và Codex yêu cầu kiểm dịch với các sản phẩm sữa, nhưng không cần đối với sữa đã qua chế biến (xử lý nhiệt) hoặc các sản phẩm thực phẩm có chứa sữa đã xử lý nhiệt hoặc các thành phần sữa, vì nguy cơ dịch bệnh (nếu có) đã bị loại bỏ. Điều này cũng không tuân theo quy trình hiện tại trong việc ban hành các quy định pháp luật. Ví dụ, Bộ NN&PTNT ban hành Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT⁶ mà không có danh sách mã HS.

Ngày 15/11/2017, Bộ NN&PTNT ban hành Thông tư 24/2017/TT-BNNPTNT⁷ với danh sách mã HS. Tuy nhiên, các thông tư này được ban hành mà không thông qua sự tham vấn của các bên liên quan, dẫn đến các sản phẩm không phải là “sữa và các sản phẩm từ sữa” bị đưa vào danh sách phải kiểm dịch. Ngoài ra, Thông tư này xung đột với Chỉ thị 19 về việc giảm thiểu thanh kiểm tra cho nhập khẩu, và phát sinh chi phí đáng kể với các doanh nghiệp mà không gia tăng lợi ích. Điều này khiến việc thông quan tại cảng chậm trễ 1-2 tuần, và có thể gây thiệt hại hàng triệu ngày công và lãng phí hàng trăm tỉ đồng mỗi năm.

Chúng tôi đề xuất loại bỏ việc kiểm dịch cho các sản phẩm sữa đóng gói đã qua xử lý nhiệt và các sản phẩm thực phẩm có chứa sữa đã qua xử lý nhiệt hoặc các thành phần từ sữa (protein sữa, casin, lactose), dựa trên Nghị định 15/2018/ND-CP⁸ (giúp giảm 95% thanh - kiểm tra về an toàn thực phẩm) để giảm thiểu/đơn giản hóa việc kiểm dịch.

7. Nghị định 09/2016/ND-CP⁹ quy định “Muối dùng cho tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến thực phẩm cần phải được bổ sung I ốt” (Điều 6, khoản 1, mục a)

Yêu cầu này tạo ra các thách thức vô cùng lớn với ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Ngành công nghiệp này rất quan ngại về các khó khăn về kỹ thuật, ù, thất thoát và thay đổi tính cảm quan của thành phẩm cuối cùng khi bổ sung muối I ốt vào thực phẩm chế biến công nghiệp. Kali I-ốt là

⁶ Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

⁷ Thông tư 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 ban hành bảng mã số hs đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

⁸ Nghị định 15/2018/ND-CP ngày 2/2/2018 hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm

⁹ Nghị định 09/2016/ND-CP ngày 28/1/2016, quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm

một chất ôxy hóa, nó có thể thay đổi tính cảm quan của thành phẩm (ví dụ như thay đổi màu sắc, hương vị, v.v...).

Báo cáo chỉ ra rằng thiệt hại ước tính có thể lên đến 100% trong quá trình chế biến, tùy thuộc vào sản phẩm và quy trình, độ ẩm, nhiệt độ và bảo quản. Một vài nước như Úc và Nhật Bản từ chối nhập khẩu thức ăn có chứa muối I-ốt. Một vài sản phẩm thực phẩm (ví dụ như sữa công thức cho trẻ em) dùng I ốt đặc biệt và natri riêng để giữ hàm lượng I-ốt và Natri trong thành phẩm thay vì việc sử dụng muối I-ốt trực tiếp vào sản phẩm vì khi đó chất lượng sản phẩm sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

Không có bất kỳ nước nào trên thế giới sử dụng muối I-ốt trong việc chế biến sữa công thức. Bộ Y Tế đã ra Công văn 6134/BYT-PC ngày 27/10/2017 hướng dẫn “Không kiểm tra việc các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối I-ốt”. Tuy nhiên, không rõ là các doanh nghiệp chế biến có được sử dụng muối không chứa I-ốt vào các sản phẩm thực phẩm hay không.

Chúng tôi ủng hộ chương trình chống thiếu I-ốt của Chính phủ. Tuy nhiên, do sự phi lý đã nêu trên, chúng tôi đề nghị Nghị định 09/2016/ND-CP được điều chỉnh loại bỏ cụm “Muối I-ốt phải được sử dụng trong chế biến thực phẩm”

Chính sách này cần tập trung vào việc sử dụng muối I-ốt trong muối ăn hàng ngày để đạt khẩu phần I-ốt tối ưu cho dân số và tiết kiệm chi phí cho ngành công nghiệp thực phẩm.

8. Một cách tiếp cận khoa học đối với quy định về việc quản lý và đăng ký các sản phẩm Thuốc Bảo vệ Thực vật (Ví dụ như: Tăng mức độ phụ thuộc vào các chỉ số đánh giá nguy cơ – Thông tư về việc quản lý Thuốc Bảo vệ Thực vật (Thông tư 21/2015) ngày 08/06/2015)

Các điều khoản trong Thông tư có ảnh hưởng và là mối nguy trực tiếp đến với người nông dân Việt Nam cũng như đối với kinh tế, môi trường và người tiêu dùng. Các điều gồm:

- Cấm và không cho phép đăng ký với thuốc trừ sâu có thành phần chủ động hoặc thành phần qua xử lý thuộc Mục 3 và 4 GHS để dung trên rau củ, trái cây và trà.
- Cấm và không cho phép đăng ký các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật có thời gian Cách ly >7 ngày dùng với rau, trái cây và trà.

Những quy định này đều không dựa vào căn cứ khoa học và Việt Nam sẽ là nước đầu tiên trên thế giới đưa ra những luật cấm này. Ở góc độ của chúng tôi, các điều khoản cấm này đang giới hạn và thậm chí là cấm các công nghệ có thể đến với nông dân Việt Nam trồng các loại rau quả trái cây và trà. Điều này cũng có nghĩa là việc tiếp cận các công nghệ tiên tiến và an toàn nhất trong việc chống lại sâu bệnh, dịch bệnh và các vấn đề về khí hậu. Nhìn nhận một cách tổng quan, thì điều này sẽ đặt nông dân Việt Nam cũng như người tiêu dùng Việt Nam, môi trường và nền kinh tế cả nước vào nguy cơ lớn hơn, và mang lại bất lợi rất lớn trong việc cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam với các nước láng giềng ASEAN và hơn nữa.

Đề xuất:

Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ mục tiêu của Chính phủ Việt Nam trong việc đưa ra khung pháp lý cho các quy định về thuốc Bảo vệ Thực vật, trong đó bảo vệ được lợi ích của người nông dân cũng như sức khỏe của người tiêu dùng. Việc hạn chế sử dụng một sản phẩm thuốc trừ sâu cần phải dựa vào một đánh giá an toàn và rủi ro đúng mực khi xem xét đến các yếu tố gây độc của công thức sản

phẩm mà không cần phải xem xét đến cấp độ độc của nguyên liệu có liên quan, thay vì việc dựa vào mức độ độc thông qua GHS như là tiêu chí giới hạn. Chúng tôi đề xuất:

- Cho phép việc đăng ký bất kỳ sản phẩm nào trừ khi có nguy cơ không thể chấp nhận được đối với người tiêu dùng, người sử dụng, hoặc an toàn môi trường. Việc sử dụng chúng không nên bị giới hạn bởi các tiêu chí không thực tiễn và chưa từng có tiền lệ như việc sử dụng các phân loại GHS cho việc loại bỏ và sử dụng giới hạn Thời gian Cách ly (PHI) cho các loại thực vật.

9. Tầm quan trọng của việc phát triển khung pháp chế cho việc Phê duyệt Thực phẩm, Thức ăn chăn nuôi Biến đổi gen, và Công nhận Lai tạo Biến đổi gen

- Từ năm 2014 đến nay, 51 hồ sơ thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đã được nộp chờ phê duyệt ở Việt Nam – trong số đó chỉ có 21 đơn được phê duyệt, 30 đơn còn lại vẫn đang chờ phê duyệt từ Bộ NN&PTNT.
- Trong thời gian đó, ngành nông nghiệp đã có hàng loạt các hoạt động để nâng cao sự quan tâm và mối quan ngại đối với việc trì hoãn phê duyệt bởi các thành viên chủ chốt của Hội đồng An toàn Thực phẩm và Cấm biến đổi gen cũng như với Bộ NN&PTNT. Ngành đã đề xuất Bộ NN&PTNT đẩy nhanh quá trình này (đặc biệt là khi việc phê duyệt bị kéo dài quá thời gian mà luật quy định)
- Trong 30 đơn đang chờ phê duyệt, các sản phẩm bao gồm: ngô (5), hạt cải dầu (5), đậu nành (8), cỏ linh lăng (3); và các loại khác (9) - Tất cả đều đáp ứng đủ các yêu cầu quy định và chỉ chờ phê duyệt của Bộ Trưởng.
- Việt Nam đang thiếu một cơ hội then chốt để hiện thực hóa phát triển kinh tế thông qua ngành Nông nghiệp. Điều này có thể được hiện thực hóa thông qua việc xem xét/phê duyệt: 1) 8 đơn phê duyệt của loại ngô lai tạo mới chứa đặc tính chống côn trùng và công nghệ kiểm soát cỏ dại; và 2) 30 hồ sơ thực vật biến đổi gen chờ phê duyệt để được dùng trong Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi. Việc phê duyệt/xem xét các hồ sơ này đã bị trì hoãn (một số lên đến 3 năm) mặc dù tất cả các yêu cầu đã được đáp ứng.
- Việc phê duyệt đúng hạn cho các loại cây trồng và hạt giống mới sẽ giúp Chính phủ đạt được kế hoạch tái cấu trúc ngành nông nghiệp và tăng cường sản lượng và độ bền vững của nông dân cũng như chuỗi cung ứng thực phẩm (ví dụ, tổng lợi ích kinh tế đối với kinh tế của nông thôn Việt Nam sẽ lên đến 110.8 triệu USD mỗi năm nếu như 60% diện tích trồng ngô được thay bằng giống ngô đang chờ được phê duyệt)

Đề xuất:

- Nhóm đề xuất đẩy nhanh việc xem xét và phê duyệt đối với các giống lai Biến đổi gen và Thực phẩm/Thức ăn chăn nuôi Biến đổi gen vì chúng đã bị trì hoãn quá thời gian quy định của luật pháp:
 - Với 8 giống lai Biến đổi gen, nếu không được giải quyết sớm, sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp cận các giống lai tạo tiên tiến.
 - Với Thực phẩm/Thức ăn chăn nuôi Biến đổi gen, nếu việc phê duyệt cho 30 sản phẩm nêu trên không được xử lý sớm, việc nhập khẩu các sản phẩm chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật có thể bị hạn chế, dẫn đến thiệt đáng kể lâu dài đối với kinh tế Việt Nam cũng như đối với người tiêu dùng và người kinh doanh, bao gồm hàng triệu nông dân Việt Nam và các nhà sản xuất chăn nuôi lợn, gia cầm, thủy sản cũng như các nhà sản xuất chế biến thực phẩm.
- Thúc đẩy các cơ hội của các ngành công nghiệp thông qua các cuộc đối thoại mang tính xây dựng nhằm chỉ ra các vấn đề nổi trội hoặc đang thu hút sự quan tâm của Chính phủ về việc áp

dụng thêm các công nghệ sinh học cho nông nghiệp Việt Nam, và về cách thức để ngành Nông nghiệp có thể đóng góp, hướng đến quy trình phê duyệt - đăng ký hiệu quả và ổn định hơn.